

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /2024/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định khai thác, giao, xử lý và hỗ trợ kinh phí
sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều về Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ khoản 6 Điều 14 Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 295/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2024 về Quy định khai thác, giao, xử lý và hỗ trợ kinh phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 322/BC-KTNS ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định khai thác, giao, xử lý và hỗ trợ kinh phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo gồm doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước có dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.
2. Tổ chức, cá nhân hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo gồm tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước, doanh nghiệp quản lý quỹ, quỹ đầu tư trong và ngoài nước và cá nhân hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong và ngoài nước có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.
3. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.
4. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dự án khởi nghiệp sáng tạo là dự án sản xuất, kinh doanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, có khả năng tăng trưởng nhanh.
2. Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là hoạt động hỗ trợ cho cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo bao gồm một hoặc nhiều hoạt động sau:
 - a) Cung cấp không gian phục vụ các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (không gian làm việc, phòng họp các loại, phòng huấn luyện, tập huấn, khu vực kết nối, khu vực tổ chức sự kiện, khu vực triển lãm trưng bày sản phẩm, tiện ích văn phòng, phòng thí nghiệm, xưởng sản xuất, khu vực nghiên cứu phát triển sản phẩm và các trang thiết bị nghiên cứu, thiết bị dùng chung) cho cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức, cá nhân có hoạt động góp vốn vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;
 - b) Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;
 - c) Cung cấp dịch vụ tư vấn khởi nghiệp sáng tạo (tư vấn lựa chọn chuyên gia trong và ngoài nước; tư vấn xây dựng phương án, mô hình kinh doanh; tư vấn

đào tạo, huấn luyện; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tư vấn thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn nghiên cứu, phát triển sản phẩm, hoàn thiện công nghệ, tư vấn chiến lược và tư vấn vận hành, định giá doanh nghiệp);

d) Cung cấp dịch vụ ương tạo, tăng tốc và dịch vụ đào tạo, huấn luyện cho các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;

đ) Cung cấp các dịch vụ truyền thông, tiếp thị, quảng bá sản phẩm, dịch vụ khởi nghiệp sáng tạo; cung cấp máy móc, trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật để hoàn thiện ý tưởng kinh doanh, hoàn thiện công nghệ sản phẩm, dịch vụ khởi nghiệp sáng tạo);

e) Cung cấp dịch vụ đầu tư, hỗ trợ đầu tư, tổ chức sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Việc lựa chọn các tổ chức, cá nhân thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ phải phù hợp với định hướng phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành phố.

2. Việc lựa chọn các tổ chức, cá nhân thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ và hỗ trợ kinh phí thuê phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ ĐƯỢC THUÊ TRỰC TIẾP TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ KHÔNG THÔNG QUA ĐẤU GIÁ

Điều 5. Đối tượng được thuê trực tiếp

Đối tượng được thuê trực tiếp là các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Danh mục tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ chi tiết tại Phụ lục I đính kèm và các tài sản khác được phê duyệt là tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ.

Điều 6. Tiêu chí được thuê

1. Tiêu chí bắt buộc

a) Đối với tổ chức khởi nghiệp sáng tạo

Đối với tổ chức khởi nghiệp sáng tạo phải có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài được phép đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam và phải có dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố thuộc một trong các lĩnh vực ưu tiên khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố: Công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao (thuộc danh mục theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính

phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển); công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng (thuộc danh mục theo Quyết định số 2117/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư); các lĩnh vực mũi nhọn của thành phố: Du lịch và dịch vụ chất lượng cao gắn với bất động sản nghỉ dưỡng; cảng biển, hàng không gắn với dịch vụ logistics; công nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng đô thị sáng tạo, khởi nghiệp; công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số; sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao và ngư nghiệp.

Đối với tổ chức khởi nghiệp sáng tạo đề nghị thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ tại Trung tâm Công nghệ sinh học trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ ngoài đáp ứng các tiêu chí trên phải đáp ứng các quy định về an toàn sinh học theo cấp độ tương ứng, có phương án xử lý chất thải đạt chuẩn, có giấy phép/chứng nhận liên quan đến hoạt động công nghệ theo quy định và có nhân sự đáp ứng yêu cầu chuyên môn về công nghệ sẽ triển khai.

b) Đối với cá nhân khởi nghiệp sáng tạo phải có dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố thuộc một trong các lĩnh vực ưu tiên khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố: Công nghệ cao và sản phẩm công nghệ cao (thuộc danh mục theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg); công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng (thuộc danh mục theo Quyết định số 2117/QĐ-TTg); các lĩnh vực mũi nhọn của thành phố: Du lịch và dịch vụ chất lượng cao gắn với bất động sản nghỉ dưỡng; cảng biển, hàng không gắn với dịch vụ logistics; công nghệ cao gắn với xây dựng đô thị sáng tạo, khởi nghiệp; công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số; sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao và ngư nghiệp.

Đối với cá nhân khởi nghiệp sáng tạo đề nghị thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ tại Trung tâm Công nghệ sinh học trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ ngoài đáp ứng các tiêu chí trên phải đáp ứng các quy định về an toàn sinh học theo cấp độ tương ứng, có phương án xử lý chất thải đạt chuẩn, có giấy phép/chứng nhận liên quan đến hoạt động công nghệ theo quy định.

c) Đối với tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo phải có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài và được phép đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam; người đứng đầu có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đội ngũ chuyên gia tư vấn có lý lịch khoa học và hợp đồng chuyên gia. Chuyên gia tư vấn có chuyên ngành đào tạo; có kinh nghiệm, thành tích, tối thiểu 2 (hai) năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc phù hợp với lĩnh vực tham gia tư vấn khởi nghiệp.

Đối với tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đề nghị thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ tại Trung tâm Công nghệ sinh học trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ ngoài đáp ứng các tiêu chí trên phải đáp ứng các tiêu chí sau:

Chuyên gia tư vấn có trình độ chuyên môn về công nghệ sinh học và lĩnh vực liên quan; có kinh nghiệm hỗ trợ các dự án trong lĩnh vực công nghệ sinh học và lĩnh vực liên quan; đáp ứng các yêu cầu về an toàn sinh học và môi trường; có phương án phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của Trung tâm.

d) Đối với cá nhân hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng tất cả các tiêu chí sau: Có trình độ từ đại học trở lên; tối thiểu 2 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc tại doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

Đối với cá nhân hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đề nghị thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ tại Trung tâm Công nghệ sinh học trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ ngoài đáp ứng các tiêu chí trên phải có chuyên môn và kinh nghiệm về công nghệ sinh học và lĩnh vực liên quan.

2. Tiêu chí lựa chọn

Các tiêu chí lựa chọn đối tượng được thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ tại các đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được quy định tại Phụ lục II đính kèm Nghị quyết này.

Các tổ chức, cá nhân được lựa chọn phải đạt tổng số điểm tối thiểu là 75 điểm tại Bảng tiêu chí đánh giá tổ chức, cá nhân đăng ký thuê sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ. Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện được thuê thì xét theo thứ tự điểm từ cao đến thấp cho đến khi hết tài sản được thuê.

Chương III

NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỖ TRỢ KINH PHÍ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 7. Đối tượng được hỗ trợ

Đối tượng được hỗ trợ là các tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 8. Nội dung, mức và thời gian hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 100% kinh phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ cho cá nhân. Mức hỗ trợ tối đa 30.000.000 đồng/cá nhân/năm.

b) Hỗ trợ 70% kinh phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ cho tổ chức. Mức hỗ trợ tối đa 200.000.000 đồng/tổ chức/năm.

3. Thời gian hỗ trợ không quá 05 năm/tổ chức, cá nhân.

Điều 9. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

1. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân theo Điều 7 Nghị quyết này nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ về đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ để xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ hướng dẫn, trả hồ sơ để tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ tổng hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ, đề xuất mức hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân; định kỳ trước ngày 15 của tháng cuối quý, gửi hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ (trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được giao cho đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ), Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng (trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được giao cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng).

c) Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng tiếp nhận, xem xét hồ sơ trong 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ /Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng trả hồ sơ cho đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ để hoàn thiện.

d) Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng thành lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ thuê (sau đây gọi là Hội đồng).

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng, Hội đồng tiến hành xét duyệt hồ sơ.

Thành phần Hội đồng, phương thức làm việc, trình tự làm việc của Hội đồng theo Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.

Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng, trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng có văn bản nêu lý do hồ sơ không đáp ứng điều kiện; trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan. Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 10 ngày, kể từ ngày có văn bản đề nghị bổ sung của Hội đồng.

Trường hợp hồ sơ đáp ứng điều kiện hỗ trợ, Hội đồng đề xuất Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng về kinh phí hỗ trợ.

đ) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất của Hội đồng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ/Trưởng Ban Quản

lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng ban hành Quyết định hỗ trợ, ký kết Hợp đồng hỗ trợ kinh phí.

Nội dung chủ yếu của Quyết định hỗ trợ kinh phí gồm: Đối tượng được hỗ trợ, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và trách nhiệm thực hiện.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thành phần hồ sơ gồm có:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết này): 01 bản chính.

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập của Tổ chức/đơn vị; Báo cáo tài chính của năm gần nhất: 01 bản sao có chứng thực. Đối với cá nhân: Sơ yếu lý lịch, Căn cước công dân/Hộ chiếu.

c) Thuyết minh dự án (theo Phụ lục V kèm theo Nghị quyết này): 01 bản chính.

d) Văn bản xác nhận việc chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động và các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan (đối với tổ chức): 01 bản sao có chứng thực.

đ) Hợp đồng cho thuê giữa đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ và tổ chức/cá nhân đề nghị hỗ trợ.

4. Cách thức thực hiện

a) Nộp hồ sơ

Trực tiếp tại đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ;

Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;

Nộp hồ sơ trực tuyến.

b) Trả kết quả

Trực tiếp tại đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ;

Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

Trả kết quả trực tuyến.

5. Thời hạn giải quyết: 30 (Ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề xuất của đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ.

6. Cơ quan giải quyết

a) Cơ quan thực hiện: Đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng hoặc văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Chương IV

HÌNH THỨC, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIAO VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 10. Hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng được thực hiện theo hình thức ghi tăng tài sản.

Điều 11. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ thành phố đang quản lý: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ đối với danh mục tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ tại Phụ lục I gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, gửi lấy ý kiến của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan.

Thành phần hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị giao tài sản của đơn vị có nhu cầu sử dụng tài sản: 01 bản chính; văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính; dự thảo phương án giao (trong đó xác định cụ thể đối tượng giao, hình thức giao, lý do giao, danh mục tài sản đề nghị giao); các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị giao tài sản (nếu có): 01 bản sao.

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ được đầu tư, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới và tài sản kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ được xác lập quyền sở hữu toàn dân: Đơn vị thụ hưởng (đối với tài sản kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ được đầu tư, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới), đơn vị chủ trì quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, gửi lấy ý kiến thẩm định của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan.

Thành phần hồ sơ gồm: Tờ trình của đơn vị thụ hưởng dự án/đơn vị chủ trì quản lý tài sản: 01 bản chính; tờ trình của chủ đầu tư dự án: 01 bản chính; quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: 01 bản chính; dự thảo phương án giao (trong đó xác định cụ thể đối tượng giao, hình thức giao, lý do giao, danh mục tài sản đề nghị giao): 01 bản chính. Trong đó: Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, giá trị tài sản, chủng loại, số lượng); biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng mới): 01 bản chính; quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017): 01 bản chính; hồ

sơ hoàn công (đối với công trình đầu tư xây dựng mới): 01 bản sao; giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng có trách nhiệm hoàn thiện phương án giao kèm theo hồ sơ đề nghị giao tài sản, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ.

Nội dung chủ yếu của Quyết định giao tài sản gồm: Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ thành phố đang quản lý); tên cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản; danh mục tài sản giao (đối với tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ thành phố đang quản lý: Chủng loại, số lượng, diện tích, nguyên giá, giá trị còn lại; đối với tài sản kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ được đầu tư, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới và tài sản kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ được xác lập quyền sở hữu toàn dân: Tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, giá trị tài sản, chủng loại, số lượng); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện bàn giao, tiếp nhận theo quy định và việc bàn giao, tiếp nhận được lập thành Biên bản theo Phụ lục V kèm theo Nghị quyết này.

Điều 12. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

1. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

a) Tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý;

Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích, cho mượn tài sản;

Bán, cho thuê, tặng cho, thế chấp, góp vốn, liên doanh, liên kết không đúng quy định;

Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;

Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trong trường hợp tự nguyện trả lại tài sản:

Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Hồ sơ đề nghị trả lại tài sản cho Nhà nước gồm: Văn bản đề nghị trả lại tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản: 01 bản chính; văn bản đề nghị của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính; danh mục tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ đề nghị trả lại cho Nhà nước (chúng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán): 01 bản chính; các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị trả lại tài sản (nếu có): 01 bản sao.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thu hồi tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị trả lại tài sản không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ gồm: Tên cơ quan nhà nước có tài sản thu hồi; danh mục tài sản thu hồi (chúng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do thu hồi); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong thời hạn (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan nhà nước có tài sản bị thu hồi thực hiện bàn giao đầy đủ tài sản và các hồ sơ có liên quan đến tài sản cho Sở Tài chính.

Sau khi có Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan được giao thực hiện quyết định thu hồi tổ chức việc tiếp nhận tài sản; lập phương án xử lý tài sản thu hồi; tổ chức thực hiện xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ theo phương án được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định; tổ chức thực hiện việc bảo quản, bảo vệ tài sản trong thời gian chờ xử lý.

Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ đối với trường hợp khác:

Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan quản lý nhà nước khác, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định thu hồi tài sản.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ gồm: Tên cơ quan nhà nước có tài sản thu hồi; danh mục tài sản thu hồi (chúng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do thu hồi); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

a) Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được thực hiện giữa các đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trong các trường hợp sau đây:

Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý;

Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;

Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Khi có tài sản cần điều chuyển, cơ quan nhà nước có tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố điều chuyển tài sản xem xét, quyết định;

Hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ gồm: Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản: 01 bản chính; văn bản đề nghị điều chuyển, tiếp nhận tài sản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính; văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ và văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính; danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (chủng loại, số lượng, tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản; lý do điều chuyển): 01 bản chính; các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị điều chuyển tài sản (nếu có): 01 bản sao.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ gồm: Cơ quan nhà nước có tài sản điều chuyển; cơ quan, tổ chức, đơn vị được nhận tài sản điều chuyển; danh mục tài sản điều chuyển (chủng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng sau khi điều chuyển trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản; lý do điều chuyển); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Trình tự, thủ tục bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

a) Tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được bán trong các trường hợp sau đây:

Tài sản bị thu hồi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Trình tự, thủ tục bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Việc bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

Khi có tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ cần bán, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bán tài sản báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để xem xét, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Hồ sơ đề nghị bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ gồm:

Văn bản đề nghị bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ của cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ (trong đó nêu rõ hình thức bán, trách nhiệm tổ chức bán tài sản, việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản): 01 bản chính;

Văn bản đề nghị bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị bán (chủng loại, số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; mục đích sử dụng hiện tại; lý do bán): 01 bản chính;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị bán tài sản (nếu có): 01 bản sao.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân thành phố quy định xem xét, quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị bán không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ gồm: Cơ quan nhà nước có tài sản bán; danh mục tài sản được bán (chủng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do bán); phương thức bán tài sản; cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ; quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản.

Phương thức bán tài sản:

Trường hợp tài sản là tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 250 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản thì ghi phương thức bán là đấu giá;

Trường hợp tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thì giao người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quyết định phương thức đấu giá, niêm yết giá hoặc chỉ định căn cứ vào giá trị đánh giá lại như sau: Bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ công khai theo hình thức niêm yết giá được áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/01 đối tượng tài sản ghi sổ kế toán (sau đây gọi là 01 đơn vị tài sản) và giá trị đánh giá lại từ 10 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ theo hình thức chỉ định được áp dụng đối với tài sản kết

cầu hạ tầng khoa học và công nghệ có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và giá trị đánh giá lại dưới 10 triệu đồng/01 đơn vị tài sản).

Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ quyết định giao cơ quan nhà nước có tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ tổ chức bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc bán theo quy định.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc bán tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước có tài sản bán hạch toán giảm tài sản; báo cáo kê khai biến động tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ theo quy định.

4. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

a) Tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được thanh lý trong các trường hợp sau đây: Tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả; phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng cũ để đầu tư xây dựng tài sản kết cấu hạ tầng mới theo dự án được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng không sử dụng được theo công năng của tài sản; trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Vật liệu, vật tư thu hồi từ tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được thanh lý theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ được xử lý như sau: Giao đối tượng có tài sản thanh lý để tiếp tục quản lý, sử dụng; điều chuyển; bán.

b) Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Khi có tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ hết hạn sử dụng theo quy định của pháp luật mà phải thanh lý; tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không hiệu quả (dự kiến chi phí sửa chữa lớn hơn 30% nguyên giá tài sản), nhà làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất không phù hợp với quy hoạch phải phá dỡ, cơ quan nhà nước có tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quy định xem xét, quyết định.

Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ gồm:

Vấn bản đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ (trong đó nêu rõ trách nhiệm tổ chức thanh lý tài sản; dự kiến chi phí sửa chữa tài sản (theo báo giá của đơn vị có chức năng sửa chữa) trong trường hợp xác định việc sửa chữa không hiệu quả); 01 bản chính;

Văn bản đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (chủng loại, số lượng, diện tích; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; hình thức thanh lý; lý do thanh lý): 01 bản chính;

Ý kiến bằng văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng (Sở Xây dựng, Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế và hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) hoặc văn bản thẩm định của đơn vị tư vấn có chức năng thẩm định về tình trạng tài sản và khả năng sửa chữa (đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng chưa hết hạn sử dụng nhưng bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được): 01 bản sao;

Các hồ sơ khác có liên quan đến đề nghị thanh lý tài sản (nếu có): 01 bản sao;

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ gồm: Cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý; danh mục tài sản thanh lý (chủng loại, số lượng, diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do thanh lý); hình thức thanh lý tài sản; quản lý, sử dụng tiền thu được từ thanh lý tài sản (nếu có); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Hình thức thanh lý tài sản gồm: Bán, phá dỡ, hủy bỏ và bán vật tư, vật liệu thu hồi từ phá dỡ, hủy bỏ (nếu có). Giao người đứng đầu cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản quyết định phương thức đấu giá, niêm yết giá hoặc chỉ định căn cứ vào giá trị đánh giá lại như sau:

Trường hợp tài sản phá dỡ là nhà làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ kế toán từ 10 tỷ đồng trở lên thì phải đấu thầu hoặc đấu giá thanh lý. Việc đấu thầu hoặc đấu giá thanh lý tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

Bán thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ theo hình thức niêm yết giá được áp dụng trong các trường hợp tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và giá trị đánh giá lại từ 10 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ có giá trị từ 10 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng;

Bán thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ theo hình thức chỉ định được áp dụng trong các trường hợp tài sản thanh lý theo hình thức bán có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản và giá trị đánh giá lại dưới 10 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc vật tư, vật liệu thu hồi từ thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ theo hình thức phá dỡ, hủy bỏ có giá trị dưới 10 triệu đồng.

Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày làm việc (đối với nhà làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất), 30 (ba mươi) ngày làm việc (đối với tài sản khác) kể từ ngày có quyết định thanh lý tài sản của Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý tổ chức thanh lý tài sản.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan nhà nước có tài sản thanh lý hạch toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định.

5. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn hoặc nguyên nhân khác, đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có trách nhiệm:

Báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền về việc tài sản bị mất, bị hủy hoại và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan;

Thực hiện ghi giảm tài sản và xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

b) Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ bị mất, bị hủy hoại, cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm xác định nguyên nhân, trách nhiệm để xảy ra việc tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ bị mất, bị hủy hoại; lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Hồ sơ đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm:

Văn bản đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ bị mất, bị hủy hoại của cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng khoa học công nghệ: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ bị mất, bị hủy hoại của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (chủng loại, số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do bị mất, bị hủy hoại): 01 bản chính;

Các hồ sơ, tài liệu chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại (nếu có): 01 bản sao.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại gồm: Cơ quan nhà nước có tài sản bị mất, bị hủy hoại; danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại; lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại); trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày có quyết định xử lý của Ủy ban nhân dân thành phố, cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản hạch toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định.

Việc xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

a) Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, sau khi trừ đi chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản, phần còn lại được nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

b) Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ phải được lập dự toán và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản bao gồm: Chi phí kiểm kê, đo vẽ; chi phí di dời, phá dỡ, hủy bỏ; chi phí định giá và thẩm định giá; chi phí tổ chức bán; chi phí hợp lý khác có liên quan.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ thành phố/Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng.

2. Hằng năm, trên cơ sở các Quyết định phê duyệt hỗ trợ và tình hình thực tế triển khai chính sách, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố và Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng lập dự toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố và Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng. Việc điều chỉnh, bổ sung dự toán kinh phí hỗ trợ trong năm ngân sách thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:

a) Cân đối bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật. Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết này tại các Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố cuối năm.

b) Giao Sở Khoa học và Công nghệ và Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng chịu trách nhiệm, chủ trì triển khai, hướng dẫn thực hiện chính sách, tiếp nhận hồ sơ, xét duyệt và thực hiện công tác hỗ trợ các nội dung theo Nghị quyết.

2. Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung chính sách, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này đạt kết quả tốt.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2024. /

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ; VP Chủ tịch nước;
- Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Các quận ủy, huyện ủy; UBND, UBMTTQVN các quận, huyện; HĐND huyện Hòa Vang;
- Đảng ủy, UBND các phường, xã; HĐND các xã;
- Báo Đà Nẵng, Chuyên đề CA TPĐN, Đài PT-TH ĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, CTHĐ.



CHỦ TỊCH

Ngô Xuân Thắng

Phụ lục I
DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
GIAO CHO ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ/BAN QUẢN LÝ
KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 56 /2024/NQ-HĐND ngày 13 / 12/2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

STT	Đơn vị đang quản lý sử dụng tài sản	Đơn vị được giao tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ	Địa điểm	Chủng loại	Số lượng	Diện tích	
						Đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)
1	Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đà Nẵng	Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đà Nẵng	58 Nguyễn Chí Thanh, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Nhà và đất	1	445	1.286
2	Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng	Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng	Tổ 25, phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Nhà và đất	3	95.607	4.099
2.1				Nhà và đất Khu nhà hành chính và nghiên cứu phát triển	1	453	1.560
2.2				Nhà và đất Khối phòng thí nghiệm công nghệ sinh học	1	738	2.539
2.3				Đất	1	94.416	
3	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Khu công nghệ cao	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Khu công nghệ cao	Lô A17, đường Trung tâm, Khu công nghệ cao Đà Nẵng, xã Hoà Liên, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng	Nhà và đất Khối nhà xưởng số 1	1	973	1.946



Phụ lục II

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
THỰC SỬ DỤNG TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **56** /2024/NQ-HĐND ngày **13** / **12**/2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

**1. Áp dụng tại Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đà Nẵng - Sở
Khoa học và Công nghệ thành phố và Trung tâm Dịch vụ tổng hợp Khu Công
nghệ cao - Ban quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng**

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
I	Tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	100
1	Tính đổi mới sáng tạo, công nghệ của sản phẩm, dịch vụ	15
2	Sự cần thiết của sản phẩm, dịch vụ đối với nhu cầu thị trường	10
3	Kế hoạch truyền thông	10
4	Tính độc đáo, sáng tạo, giá trị khác biệt của sản phẩm	5
5	Tình hình cạnh tranh và lợi thế cạnh tranh	10
6	Các kết quả đã đạt được	10
7	Mô hình doanh thu	10
8	Dự báo tài chính	10
9	Đội ngũ, hội đồng quản trị, cố vấn	5
a	Nguồn nhân lực (các cá nhân thực hiện chính và vai trò trong phát triển dự án)	3
b	Cố vấn, đối tác chiến lược, cố đồng	2
10	Các văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	5
11	Đạt các giải thưởng về khởi nghiệp sáng tạo	5
12	Các chứng chỉ, chứng nhận khác	5
II	Tổ chức, cá nhân hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	100
1	Hiệu quả hỗ trợ khởi nghiệp	30
a	Mức độ và chất lượng hỗ trợ thực tế cho các dự án khởi nghiệp	10
b	Tác động và ảnh hưởng đối với cộng đồng khởi nghiệp	10
c	Kết quả và thành tựu đạt được từ các dự án đã hỗ trợ	10
2	Quan hệ đối tác và hợp tác	25
a	Mối quan hệ đối tác với các tổ chức trong và ngoài nước	10
b	Khả năng hợp tác và kết nối với các tổ chức khởi nghiệp khác	15
3	Năng lực và kinh nghiệm	25
a	Kinh nghiệm hỗ trợ khởi nghiệp	10
b	Năng lực tổ chức và quản lý các chương trình hỗ trợ	15
4	Đóng góp cho cộng đồng khởi nghiệp Đà Nẵng	20
a	Tầm ảnh hưởng và đóng góp cụ thể cho cộng đồng khởi nghiệp tại Đà Nẵng	10
b	Các hoạt động và sáng kiến hướng tới phát triển cộng đồng	10

2. Áp dụng tại Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng - Sở Khoa học và Công nghệ thành phố

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
I	Tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo	100
1	Sản phẩm/dịch vụ và công nghệ	25
a	Ý tưởng sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ sinh học và lĩnh vực liên quan	10
b	Tính khả thi của kế hoạch nghiên cứu và phát triển	10
c	Sở hữu trí tuệ (IP hiện có hoặc tiềm năng)	5
2	Tiềm năng thị trường	20
a	Khách hàng mục tiêu	10
b	Kế hoạch tiếp cận thị trường	10
3	Đóng góp cho thành phố Đà Nẵng	30
a	Phát triển và sử dụng tài nguyên địa phương	10
b	Tạo việc làm mới	10
c	Dự kiến đóng góp ngân sách cho thành phố	10
4	Hợp tác với Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng	15
a	Sử dụng dịch vụ của Trung tâm	5
b	Chia sẻ dữ liệu nghiên cứu cho ngân hàng dữ liệu của Trung tâm	5
c	Tham gia các hoạt động đào tạo/chia sẻ kinh nghiệm do Trung tâm tổ chức	5
5	Năng lực đội ngũ	10
a	Số thành viên tốt nghiệp đại học và sau đại học chuyên ngành liên quan	5
b	Kinh nghiệm/đam mê trong lĩnh vực khởi nghiệp	5
II	Tổ chức, cá nhân hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	100
1	Năng lực hỗ trợ	25
a	Kinh nghiệm hỗ trợ startup	15
b	Mạng lưới chuyên gia/cố vấn	10
2	Chương trình hỗ trợ	25
a	Chương trình hỗ trợ khả thi cho dự án khởi nghiệp lĩnh vực công nghệ sinh học và liên quan	15
b	Khả năng hỗ trợ lâu dài (tối thiểu 2 năm)	10
3	Đóng góp cho thành phố Đà Nẵng	25
a	Khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư về Đà Nẵng	10
b	Tổ chức các sự kiện kết nối dự án khởi nghiệp tại Đà Nẵng	10
c	Hỗ trợ quảng bá hệ sinh thái khởi nghiệp Đà Nẵng	5
4	Hợp tác với Trung tâm Công nghệ sinh học Đà Nẵng	15
a	Phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo với Trung tâm	5
b	Chia sẻ mạng lưới chuyên gia với Trung tâm	5

STT	Tiêu chí	Điểm tối đa
c	Hỗ trợ Trung tâm kết nối quốc tế	5
5	Nguồn lực	10
a	Năng lực tài chính cơ bản	5
b	Đội ngũ vận hành	5

huannd1-10/04/2025 15:54:44-huannd1-huannd1-huannd1



Phụ lục III

QUY ĐỊNH VỀ HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 56 /2024/NQ-HĐND ngày 13 /12 /2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG

Hội đồng do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ/Trưởng Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng thành lập với 05-09 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (nếu cần) và các thành viên. Thành viên Hội đồng là các chuyên gia về khởi nghiệp sáng tạo hoặc đại diện cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn có liên quan, có trình độ đại học trở lên và ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn.

Chủ tịch Hội đồng điều hành các phiên họp, phân công nhiệm vụ và ký các văn bản của Hội đồng. Các thành viên nghiên cứu hồ sơ, đánh giá độc lập, khách quan và tham gia đầy đủ các phiên họp.

Hội đồng có Thư ký do các thành viên bầu. Thư ký tổng hợp ý kiến, ghi chép nội dung và dự thảo biên bản họp, chịu trách nhiệm công tác chuẩn bị và hỗ trợ tổ chức các phiên họp.

II. PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC

1. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên của hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.

2. Thành viên hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá thuyết minh nhiệm vụ.

3. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 (ba phần tư) số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

4. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của hội đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với kết luận của hội đồng. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

5. Tài liệu họp phải được gửi đến các thành viên ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước phiên họp.

6. Trường hợp thành viên vắng mặt có thể gửi ý kiến bằng văn bản nhưng không được ủy quyền cho người khác tham dự.

7. Trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể tổ chức họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến. Việc họp trực tuyến phải đảm bảo tính bảo mật và tuân thủ các quy định về họp trực tiếp.

III. TRÌNH TỰ LÀM VIỆC

1. Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Hội đồng trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc và bầu thư ký.

3. Hội đồng tiến hành đánh giá các hồ sơ:

Các ủy viên hội đồng trình bày nhận xét đánh giá hồ sơ theo thuyết minh dự án đăng ký thuê sử dụng tài sản kết cấu hạ khoa học và công nghệ và các thành phần hồ sơ liên quan.

Thư ký đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng xem xét, tham khảo.

Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ.

Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 (ba) người là ủy viên của hội đồng, trong đó có trưởng ban kiểm phiếu và 02 (hai) thành viên.

Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên hội đồng.

4. Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm đánh giá và thông qua biên bản làm việc của hội đồng.

5. Hội đồng thảo luận để thống nhất

Mức độ đáp ứng hỗ trợ.

Mức kinh phí hỗ trợ thuê.

Các đề xuất liên quan.

6. Thư ký hoàn thiện biên bản Hội đồng.

7. Hội đồng thông qua biên bản làm việc.



Phụ lục IV
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 56 /2024 /NQ-HĐND ngày 13 /12/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ
THUÊ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý
khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về quy định khai thác, giao, xử lý và hỗ trợ kinh phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

..... (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị) đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ/Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng xem xét hỗ trợ thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên doanh nghiệp/tổ chức/hợp tác xã/cá nhân đề nghị hỗ trợ:
2. Địa chỉ:
3. Mã số thuế:
4. Điện thoại:
5. E-mail:
6. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên:
 - Chức vụ:
 - Sinh ngày:
 - Số căn cước công dân:
 - Nơi cấp:

Ngày cấp:

7. Đề nghị xem xét hỗ trợ thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ để phục vụ dự án (Tên dự án sáng tạo)

TT	Nội dung hỗ trợ cụ thể	Mức đề nghị hỗ trợ
1		
2		
.....		

8. Các hồ sơ kèm theo:

(1)

(2)

...

Chúng tôi cam đoan các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ /Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Quản lý khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng là đúng sự thật và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình thuê tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ. Kính đề nghị quý Sở/Ban quan tâm xem xét./.

....., ngày ... tháng ... năm ...

CÁ NHÂN/ NGƯỜI ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phụ lục V
MẪU THUYẾT MINH DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 56 /2024/NQ-HĐND ngày 13 / 12/2024
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

1. Đối với tổ chức

Tên tổ chức:

Năm thành lập:

Địa chỉ liên hệ:

Email:

Website:.....

Họ và tên người đại diện pháp luật:

Chức vụ:

Số điện thoại người đại diện:

2. Đối với cá nhân

Họ và tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....

Số CCCD/Số hộ chiếu:.....

Ngày cấp:.....

Nơi cấp:

Email:

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1. Mục đích thuê

.....
.....

2. Thời gian thuê

.....
.....

3. Phương án thuê và sử dụng

.....
.....

4. Nguồn lực triển khai

a) Đối với tổ chức

- Năng lực triển khai nhiệm vụ (năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện chính):

+ Người đứng đầu có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

+ Đội ngũ chuyên gia tư vấn có lý lịch khoa học và hợp đồng chuyên gia. Chuyên gia tư vấn có chuyên ngành đào tạo hoặc kinh nghiệm làm việc phù hợp với lĩnh vực tham gia tư vấn.

+ Đội ngũ nhân lực vận hành có hợp đồng lao động với tổ chức trung gian.

- Bảo đảm đáp ứng các quy định đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Phương án huy động nguồn lực thực hiện nhiệm vụ (mạng lưới chuyên gia, đơn vị phối hợp thực hiện, cơ sở vật chất - kỹ thuật được phép khai thác, sử dụng):

- Nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ

+ Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố:

.....
+ Kinh phí từ nguồn khác:.....

b) Đối với cá nhân

Nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ

+ Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố:

.....
- Kinh phí từ nguồn khác:

.....ngày ... tháng ... năm 20...

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo tổ chức;
đóng dấu xác nhận, nếu có)



Phụ lục VI
BIÊN BẢN BÀN GIAO, TIẾP NHẬN
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(*Bản hành kèm theo Nghị quyết số 56 /2024/NQ-HĐND ngày 13 /12/2024*
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu khoa học và công nghệ

Căn cứ Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày...tháng ...năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Quy định khai thác, giao, xử lý và hỗ trợ kinh phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc giao tài sản

Hôm nay, ngày... tháng... năm.... tại, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu khoa học và công nghệ được thực hiện như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Đại diện bên giao:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận:

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

II. NỘI DUNG BÀN GIAO, TIẾP NHẬN

1. Danh mục tài sản bàn giao, tiếp nhận gồm:

STT	Danh mục tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Tình trạng tài sản	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
A	Nhà, đất						
1	Diện tích đất	m ²					
2	Diện tích sàn xây dựng nhà	m ²					
3	Diện tích sàn sử dụng nhà	m ²					
B	Máy móc, thiết bị						
1	Máy móc, thiết bị 1						
2	Máy móc, thiết bị 2						
	...						
C	Tài sản khác						
	Tổng cộng:						

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:

b) Trách nhiệm của Bên nhận:

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
 (Ký, ghi rõ họ tên)